

SỰ PHÁT TRIỂN QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM TỪ TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP NĂM 1945 ĐẾN HIẾN PHÁP NĂM 2013

LÊ THỊ HẰNG (*)
THIỀU THỊ DUYÊN (**)

Tóm tắt: Cách đây 80 năm, ngày 02/9/1945 tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, trình trọng tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới về nền độc lập, chủ quyền của dân tộc; khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - đây là văn kiện lập quốc vĩ đại; là bản tuyên bố về quyền con người, tạo nền tảng pháp lý cho sự ra đời các bản Hiến pháp của Việt Nam trong từng giai đoạn lịch sử. Trong đó, Hiến pháp năm 2013 là bản Hiến pháp gần nhất khẳng định quyền con người luôn được Đảng và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tôn trọng, bảo đảm và phát huy.

Từ khóa: Bản Tuyên ngôn Độc lập; Hiến pháp năm 2013; quyền con người.

Abstract: Eighty years ago, on September 2, 1945, at the historic Ba Đình Square, President Ho Chi Minh read the Declaration of Independence, solemnly proclaiming to the entire nation and the world the independence and sovereignty of the Vietnamese people. This moment gave birth to the Democratic Republic of Vietnam and marked the creation of a monumental founding document that was also a declaration of human rights, laying the legal foundation for the promulgation of Vietnam's constitutions in different historical periods. Among them, the 2013 Constitution, the most recent, affirms that human rights are consistently respected, guaranteed and promoted by the Communist Party and the State of the Socialist Republic of Vietnam.

Keywords: Declaration of Independence; 2013 Constitution; human rights.

Ngày nhận bài: 20/8/2025 Ngày biên tập: 09/9/2025 Ngày duyệt đăng: 19/9/2025

1. Quyền con người trong bản Tuyên ngôn Độc lập ngày 02/9/1945

Bản Tuyên ngôn Độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo, tuyên bố về sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không chỉ là một văn bản pháp lý hiện đại, khai sinh một nhà nước mới, mở ra một kỷ nguyên độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam, mà còn là bản tuyên ngôn về nhân quyền - một giá trị phổ quát của nhân loại. Không phải ngẫu nhiên mà khi mở đầu bản Tuyên ngôn Độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trích dẫn một số nội dung trong bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ

năm 1776 và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của nước Pháp năm 1789. Trên cơ sở kế thừa những tư tưởng tiến bộ thời kỳ Khai sáng, hai bản Tuyên ngôn là những lời khẳng định đầy sức thuyết phục về quyền con người, về nguyên tắc “chủ quyền nhân dân” trong cuộc đấu tranh chống lại chế độ phong kiến chuyên chế; hướng con người vươn tới các giá trị dân chủ, giá trị nhân văn cao cả về tự do, bình đẳng, bác ái. Các bản Tuyên ngôn khẳng định những quyền con người cơ bản nhất đó là quyền sống, quyền tự do, quyền bình đẳng, quyền tư hữu tài sản. Đó là “quyền tự nhiên, không thể chuyển nhượng và bất khả xâm phạm của mỗi con người”⁽¹⁾. Trên cơ sở kế thừa giá trị nhân văn cao cả, mang tính phổ quát nhân loại, trên phương diện quyền

(*) TS; Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(**) ThS; Trung tâm chính trị phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa

con người, Chủ tịch Hồ Chí Minh có những đóng góp to lớn, đó là:

Thứ nhất, mở rộng tối đa phương diện của những người được hưởng giá trị nhân quyền, là dành cho mọi người ở mọi dân tộc. Trích dẫn hai bản Tuyên ngôn, nhưng Người đã khéo léo thay đổi từ ngữ, qua đó mở rộng và phát triển những giá trị của các bản Tuyên ngôn trước đó trong thời đại mới. Trong *Tuyên ngôn độc lập* của nước Mỹ, nguyên bản câu “tất cả mọi người” là “tất cả đàn ông”. Đặt trong bối cảnh nước Mỹ những năm cuối thế kỷ XVIII khi chế độ nô lệ còn tồn tại, sự phân biệt và kỳ thị chủng tộc rất nặng nề, thì những người đàn ông có quyền mà Tuyên ngôn đề cập đến chỉ là những người đàn ông da trắng. Như vậy, các quyền cơ bản của con người không dành cho tất cả mọi người, mà chỉ dành cho đàn ông da trắng - những người chiếm số ít hơn so với phụ nữ và những người da màu ở vùng đất này.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định một cách rõ ràng quyền là dành cho “tất cả mọi người”, không phân biệt địa vị, thành phần, tôn giáo, giới tính, sắc tộc... Đó là sự mở rộng tuyệt đối, đem lại những giá trị to lớn và phù hợp với sự phát triển tiến bộ của nhân loại. Nữ học giả người Mỹ Lady Borton đã khẳng định Tuyên ngôn Độc lập ngày 02/9/1945 của Việt Nam là văn kiện rất sớm trong đời sống chính trị của thế giới xác lập quyền bình đẳng của phụ nữ với tư cách công dân và gọi đây là “cuộc cách mạng trong một chữ”. Nếu như phụ nữ Mỹ phải mất 144 năm và phụ nữ Pháp phải mất 155 năm sau Tuyên ngôn, sau cuộc cách mạng mới có quyền bầu cử, thì sau bản *Tuyên ngôn Độc lập* trong bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1946 do Chủ tịch Hồ Chí Minh là Trưởng ban soạn thảo, tại Điều 9 đã khẳng định: “đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện”.

Hai bản Tuyên ngôn của nước Pháp và nước Mỹ đề cập đến quyền con người là quyền thiêng liêng, là một tất yếu của tạo hóa. Nhưng là người dân của một nước thuộc địa, Chủ tịch Hồ Chí Minh thấu hiểu sâu sắc quyền thiêng liêng, vốn có ấy không phải tự nhiên mà có được, mà phải hy sinh, phải đấu tranh với quyết tâm “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không

chịu làm nô lệ”⁽²⁾. Các cuộc cách mạng tư sản, các nhà tư tưởng đã tố cáo, vạch trần chế độ chuyên chế tước đoạt các quyền cơ bản của con người, bởi vậy họ cho rằng cần loại bỏ chế độ phản động đó trong quá trình tiến hóa của nhân loại. Trong *Tuyên ngôn Độc lập* của một dân tộc từng là thuộc địa, Chủ tịch Hồ Chí Minh vạch trần tội ác của chủ nghĩa thực dân trong việc chà đạp, tước đoạt quyền các quyền tự nhiên của con người, của dân tộc.

Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút quyền tự do dân chủ nào, chúng thi hành pháp luật hà khắc, tắm các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta trong biển máu. Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến xương tủy khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều. Chúng còn thực hiện chính sách đầu độc về văn hóa, thi hành chính sách ngu dân, dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược. Không những thế, chúng còn hai lần phản bội bán nước ta cho Nhật. Trước lời kêu gọi của Việt Minh chống Nhật, thực dân Pháp còn khùng bố thẳng tay hơn đối với nhân dân chống phát xít. Do đó, Người khẳng định: trong thời đại mới, không chỉ chế độ phong kiến chuyên chế mà chủ nghĩa thực dân với bản chất tàn bạo của nó cần được xóa bỏ, để bảo vệ quyền và nhân phẩm của con người. Khi còn chủ nghĩa thực dân, còn tình trạng dân tộc này áp bức, nô dịch dân tộc khác thì chắc chắn quyền con người ở các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc bị chà đạp, không được ghi nhận và thực hiện.

Thứ hai, từ quyền con người, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã suy rộng ra quyền dân tộc và từ việc lấy quyền con người làm nền tảng, Người khẳng định quyền dân tộc là quyền tự nhiên, thiêng liêng “là lẽ phải không thể chối cãi được”. Bởi vậy, ngay từ khi khảo cứu về nền pháp quyền của các nước phương Tây, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn ý thức phải xây dựng một nền pháp quyền cho Việt Nam - một nền pháp quyền hiện đại bảo vệ cả quyền dân tộc lẫn quyền con người, quyền công dân. Trong tư tưởng về nhân quyền ở nhiều nước phương Tây nêu ra, chủ yếu là nêu lên quyền tự do cho mỗi cá nhân. Điều này đúng nhưng chưa đủ trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, khi các

nước tư bản tiến hành xâm chiếm và đặt ách thống trị bóc lột tàn bạo đối với các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc. Dân tộc độc lập là điều kiện tiên quyết để bảo đảm quyền con người và ngược lại thực hiện quyền con người chính là phát huy những giá trị cao cả và ý nghĩa thực sự của độc lập dân tộc. Quyền con người cao nhất chính là được sống trong đất nước tự do, là công dân của một nước độc lập. Vì vậy, quyền của mỗi người không tách rời với quyền của dân tộc.

Như vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gắn hai phạm trù pháp lý cơ bản: quyền con người, quyền dân tộc trong mối liên hệ biện chứng, chặt chẽ với nhau; từ quyền con người trừu tượng thành quyền của người dân được sống trong độc lập, tự do. Đặt trong bối cảnh những năm sau chiến tranh thế giới thứ hai, Người đã góp phần tạo lập và khẳng định nền pháp lý và công lý mới của văn minh nhân loại, hướng tới công bằng, bình đẳng giữa các quốc gia dân tộc trên phạm vi quốc tế. Công lý ấy về sau không chỉ trở thành một nội dung quan trọng được ghi nhận trong các bản hiến pháp của Việt Nam mà đã trở thành điều khoản pháp lý quốc tế. Năm 1966, sau hơn 20 năm đấu tranh tại Liên hợp quốc, quyền độc lập và quyền tự quyết dân tộc mới được ghi nhận tại Điều 1 của Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị; về các quyền kinh tế, văn hóa và xã hội.

2. Đảng, Nhà nước ta tiếp tục khẳng định và mở rộng quyền con người trong Hiến pháp năm 2013

Để thiết lập và bảo vệ quyền con người cơ bản, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thấy vai trò của hiến pháp như là một trong những yếu tố quyết định. Theo đó, đảm bảo quyền con người, quyền công dân trở thành nguyên tắc nhất quán của các bản Hiến pháp Việt Nam. Hai bản Hiến pháp đầu tiên của dân tộc do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Trưởng ban dự thảo Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959 đã ghi nhận các quyền con người, quyền công dân cơ bản, như quyền bình đẳng, tự do, dân chủ, quyền về chính trị, về kinh tế, về văn hóa, về xã hội. Với những quy định đó, quyền con người thể chế hóa thành các quyền và nghĩa vụ cụ thể, không phân biệt “nòi giống, gái trai,

giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”. Các quyền con người khi đã ghi nhận trong hiến pháp trở thành nguyên tắc hiến định, đòi hỏi nhà nước phải có trách nhiệm thực hiện trong thực tế.

Ngay trong Lời nói đầu và những điều khoản đầu tiên của Chương I, Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định rõ ràng về ý chí tự cường và nền độc lập, tự chủ, thống nhất của dân tộc Việt Nam: “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời”; cũng như mục tiêu hàng đầu mà Đảng và Nhà nước ta hướng tới xây dựng: “Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện”.

Điều 15 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác”. Những quy định này thể hiện rõ mối quan hệ vấn đề chủ quyền và nhân quyền, dân quyền đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định trong bản *Tuyên ngôn Độc lập*. Độc lập dân tộc và thể chế dân chủ chính là điều kiện quan trọng nhất đảm bảo thực hiện đầy đủ nhân quyền, bởi vậy, để có nhân quyền thì phải giữ được chủ quyền, thực hiện nhân quyền nhưng không được trái với, không được xâm phạm lợi ích tối cao, lợi ích chung của cộng đồng, của dân tộc.

Đặc biệt, Hiến pháp năm 2013, chế định về quyền con người, quyền công dân được đưa lên Chương II, ngay sau chương chế định về chế độ chính trị (so với vị trí thứ 5 trong Hiến pháp năm 1992) và trở lại vị trí chương II như trong Hiến pháp năm 1946. Đây không chỉ đơn thuần là kỹ thuật lập hiến, mà còn phản ánh sự thay đổi trong nhận thức lý luận về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Từ vị trí này có thể nhận thấy rằng, tất cả mọi hoạt động của nhà nước đều phải lấy quyền con người làm cơ sở, làm mục tiêu phấn đấu cho hoạt động của mình; quyền con người không còn các quy định theo cách thức được

nhà nước thừa nhận, mà đó là quyền tự nhiên, vốn có của con người. Tại Điều 14 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật”. Tại Điều 50 đã quy định cụ thể cả bốn nghĩa vụ của Nhà nước là “công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm” các quyền con người, quyền công dân. Sự bổ sung này có ý nghĩa rất quan trọng trong việc ràng buộc các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các nghĩa vụ của mình về quyền con người, quyền công dân, đồng thời thể hiện sự tương thích giữa pháp luật quốc gia với Luật quốc tế về nhân quyền.

Hiến pháp năm 2013 đã ghi nhận thêm một số quyền quan trọng được cộng đồng hay Luật nhân quyền quốc tế mà Việt Nam đã tham gia. So với hiến pháp của nhiều quốc gia, Hiến pháp năm 2013 thuộc vào những hiến pháp ghi nhận một số lượng cao về quyền con người; đã dành 36 điều ở Chương II trên tổng số 120 điều của Hiến pháp cho việc chế định trực tiếp các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Hiến pháp năm 2013 còn dành một số điều chế định sự bảo hộ hay bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp về tài sản hợp pháp, sử dụng đất, lao động và việc làm (Điều 51, Điều 54, Điều 57). Việc sắp xếp quyền con người phù hợp với các nhóm quyền của Luật nhân quyền quốc tế là quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa.

Bên cạnh đó, Hiến pháp năm 2013 bổ sung nhiều quyền mới như: quyền sống (Điều 19); quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người, hiến xác (Điều 20); quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư (Điều 21); quyền bảo đảm an sinh xã hội (Điều 34); quyền kết hôn và ly hôn (Điều 36); quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa (Điều 41); quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, tự do lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp (Điều 42); quyền được sống trong môi trường trong lành (Điều 43)... Sự mở rộng này là rất cần thiết, đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế của đất nước, là

sự khẳng định mạnh mẽ của Việt Nam trong việc thực hiện các cam kết quốc tế về quyền con người mà nước ta là thành viên.

Lần đầu tiên trong lịch sử lập hiến, Hiến pháp năm 2013 đã quy định nguyên tắc hạn chế quyền con người, quyền công dân. Cụ thể, khoản 2 Điều 14 quy định: “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”. Việc quy định cụ thể các tiêu chí cần thiết để hạn chế quyền con người, quyền công dân sẽ giúp hạn chế khả năng các cơ quan nhà nước lạm dụng quy định này và hạn chế các quyền con người, quyền công dân một cách tùy tiện và nhờ vậy, các quyền con người, quyền công dân sẽ được thực hiện hiệu quả hơn. Đồng thời, cũng lần đầu tiên trong Hiến pháp năm 2013, đã có chế định về cấm tra tấn nói riêng và cấm bất kỳ hình thức bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của mọi người (Điều 20).

Tháng 6/2025, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết sửa đổi một số điều của Hiến pháp năm 2013 để tạo cơ sở pháp lý thực hiện cuộc cải cách về thể chế, thể hiện tư duy đổi mới mạnh mẽ trong tổ chức hệ thống chính trị và quản trị quốc gia, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tất cả những sự thay đổi đó nhằm đến mục tiêu cao nhất xây dựng thiết chế, cơ chế để không chỉ ghi nhận mà đảm bảo thực hiện quyền con người trong thực tế, đem lại cuộc sống công bằng, ấm no, hạnh phúc thật sự cho mọi người dân; xây dựng một nước Việt Nam độc lập, tự chủ, hùng cường, thịnh vượng trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc./.

Ghi chú:

(1) Nguyễn Văn Út (biên soạn), *9 bản Tuyên ngôn nổi tiếng thế giới*, Nxb Văn hóa Thông tin, H.2006, tr.125.

(2) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb CTQG-ST, H.2011, tr.534.